

# Theo dấu đô thị cổ Hà Tiên

ĐẶNG HOÀNG GIANG\*

**1. Sự tồn tại của một đô thị cổ Hà Tiên (trong giai đoạn từ cuối thế kỉ XVII đến nửa sau thế kỉ XVIII - là giai đoạn vàng son của vùng đất này dưới sự quản lãnh của họ Mạc) đã được khẳng định từ lâu, cả ở Việt Nam lẫn nước ngoài.**

Trong nhiều thư tịch cổ còn sót lại từ thời Nguyễn, chủ yếu là các ghi chép địa chí, khi bàn đến các địa danh trên đất Nam Bộ, tên gọi Hà Tiên hầu như không khi nào bị bỏ qua. Phan Huy Chú viết: đất Hà Tiên thuở ấy (thế kỉ XVIII - XIX - HG) “phồn thịnh, nhân dân ở yên cày cấy, trồng trọt, phong vật phồn hoa, thuyền buôn đi lại tấp nập, cũng là một đất vui ở miền biển”<sup>(1)</sup>. Trịnh Hoài Đức - một trí thức Nam Bộ tiêu biểu cho ta một miêu tả chi tiết hơn: Hà Tiên “đường sá giao nhau, phố xá nối liền, người Việt, người Tàu, người Cao Miên, người Chà Và (Java) đều họp nhau sinh sống, ghe thuyền ở sông biển qua lại nơi đây như mắc cửi, thật là nơi đại đô hội ở nơi dọi biển vậy”<sup>(2)</sup>. Truyền thống biên khảo đó còn được nối

dài trong một số trước tác ít nhiều phảng phất phong cách “địa chí” của các văn sĩ, trí thức yêu nước miền Nam trước đây: Đông Hồ - Mộng Tuyết, Sơn Nam, Vương Hồng Sển... Giới học giả mác - xít miền Bắc, khoảng vài thập niên trở lại nay, khi bàn đến các đô thị hưng khởi trong thời đại kinh tế hàng hoá từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII, có nhắc đến Hà Tiên - cùng với Thăng Long, Phố Hiến (Thứ nhất Kinh kì/ thứ nhì phố Hiến), Hội An, Thanh Hà, Gia Định... nhưng cũng chỉ dừng lại ở mức điểm danh thôi<sup>(3)</sup>.

Nói chung từ các tư liệu trong nước, ấn tượng thu được về Hà Tiên hãy còn mờ mờ.

Trong khi đó, ở bên ngoài Việt Nam, Hà Tiên được biết đến rất sớm. Địa danh Cảng khẩu quốc (tức thương cảng Hà Tiên) đã xuất hiện trong Hoàng triều văn hiến thông khảo, Gia Khánh trùng tu nhất thống chí, Hải quốc văn kiến lục của các nhà trí thức đời Thanh; trong các bản đồ hàng hải, các ký sự của nhiều nhà buôn Pháp, Anh: Piere Poivre, J. Crawford, Hamilton... Đặc biệt là qua các học giả

\* Đặng Hoàng Giang, Đại học Quốc gia Hà Nội

nước ngoài gần đây, trong đó có vai trò đáng kể của một số học giả châu Á: khởi đi từ Trần Kinh Hoà (Chingho A.Chen), được nối tiếp bởi: Litana, Paul. Vandyke, Anthony Reid, Nola Cooke cho đến Sakurai Yumio, Takaki Kitagawa... : với ưu thế rõ rệt về tư liệu và phương pháp tiếp cận, họ đã cung cấp nhiều thông tin quý, mà đặc điểm nổi bật là chỉ ra được vị thế của Hà Tiên trong một mạng lưới quan hệ thương mại phức tạp - bao gồm vùng hạ Mê Kông (*The lower Me Kong*), Đông Nam Á hải đảo và Nam Trung Hoa; cũng như quan hệ chính trị giữa Hà Tiên với một số nhà nước - quốc gia lân cận, trước hết là: Chân Lạp, Siam và Đàng Trong<sup>(4)</sup>.

Những gì vừa nêu cho phép nhắc lại rằng: đúng là từng có một đô thị Hà Tiên cổ trong lịch sử. Nhưng diện mạo của nó là như thế nào? Bao năm qua, câu hỏi đó, dù đã được đặt ra hay chưa thì câu trả lời vẫn còn ở dạng bỏ ngõ. Chính vì vậy, bài viết này muốn góp phần giải quyết vấn đề vừa nêu bằng việc thử dựng lại "cấu hình" của đô thị Hà Tiên cổ, dù mới chỉ là ở dạng phác thảo ban đầu. Để từ đó, biết đâu lại giúp chúng ta thực hiện một cái nhìn dài hơi hơn về lịch sử cũng như các đặc điểm kinh tế - xã hội của đồng bằng sông Cửu Long trong chặng đường Nam tiến của người Việt.

Nhưng trước khi đi vào công việc chính, chúng ta hãy nhận diện lại bối cảnh (*context*) hay là các điều kiện không - thời gian mà trên đó, đô thị cổ Hà Tiên đã nổi lên. Về mặt không gian, như đã đề cập ở trên, đây là cả một vùng rộng lớn:

gồm vùng hạ lưu Mê Kông, Đông Nam Á hải đảo và vùng Nam Trung Hoa. Về mặt thời gian, như Sakurai Yumio và Takaki Kitagawa đã chỉ ra - là trung thời của hai giai đoạn lớn: từ hậu "kỷ nguyên thương mại" (*The post "age of commerce"*) đến cuối thời kỳ tiền thực dân (*The pre-colonial stage of history*) - tức là khoảng từ nửa sau thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX.

**2. Nửa sau thế kỷ XVII, những xáo trộn to lớn ở Trung Hoa - nhà Thanh, một tộc ngoại bang thế chỗ nhà Minh, thúc đẩy một làn sóng người Hoa di cư sang các nước Đông Nam Á. Đầu vậy, Hoa kiều vẫn tiếp tục giữ các mối liên hệ với Đại lục; và trong một thời gian dài, họ trở thành lực lượng trung gian năng động kết nối Trung Hoa với các quốc gia Đông Nam Á - nhất là khi mà Trung Hoa, dưới sự cai trị của triều đại mới, đã mặc dù có bế cảng mà vẫn tham gia vào các hoạt động trong khu vực và trên thực tế, thị trường khổng lồ đó đang có rất nhiều nhu cầu.**

2.1. Sự có mặt của người Hoa ở Đông Nam Á với một số lượng lớn và có phân độet ngột, cộng với sự chủ động cố hữu của họ đã làm sống dậy hẳn thị trường Đông Nam Á: một mặt, nó nối liền các thị trường nội địa với nhau; mặt khác nó tái kết thị trường khu vực với thế giới bên ngoài. Nó đưa đến sự hình thành một "liên vùng sống động" (*Inter-active-zone*)<sup>(5)</sup> hay là một *Water Frontier* mà đặc trưng của nó là xác lập nên một không

gian xã hội mở với những toán dân di động (*fluid population*), những điểm cư trú mới (*new settlements*), những tộc người lai (*ethnic hybridity*) và cùng với nó là những pha trộn văn hoá giữa các tộc người bản địa và cộng đồng người Hoa di trú.

Có lẽ, dấu ấn đậm nét của người Hoa ở Đông Nam Á trong giai đoạn này là sự ra đời của các *Chinese port city* - các cảng thị của người Hoa, chủ yếu đến từ Quảng Châu, Triều Châu, Phúc Kiến... Chúng là các thực thể liên chức năng: vừa kinh tế, vừa chính trị; vừa độc lập, vừa lệ thuộc đối với các chính quyền bản địa. Vì vậy, để chỉ rõ đầy đủ nhất các đặc tính của chúng, có học giả dùng thuật ngữ *Semi - autonomic ports* (các cảng bán tự trị)<sup>(6)</sup>, trong đó Hà Tiên như nhiều người thừa nhận - là cảng thị điển hình hơn cả<sup>(7)</sup>.

2.2. Trở lên là cái nhìn xa - hướng về Trung Hoa. Bây giờ là cái nhìn cận cảnh - hướng về Đông Nam Á và Việt Nam.

Ở Đông Nam Á hải đảo, Palembang - bangka vẫn là trung tâm năng động vào bậc nhất "Palembang là một trong những vương quốc giàu thịnh nhất ở Indônêsià vào giữa thế kỉ XVIII<sup>(8)</sup>. "với hai loại "đặc sản" nổi tiếng: hồ tiêu (*pepper*) và thiếc (*tin*). Vào thế kỉ XVIII, các mỏ thiếc ở Palembang đạt đến độ "chín" và bắt đầu được khai thác với một khối lượng lớn để cung cấp cho thị trường. Năm 1755 - năm cao điểm, theo ước tính đã có 73.000 *Picul* thiếc được mang đi từ Palembang (1 *Picul* = 60 kg). Thiếc trở thành tài nguyên hấp dẫn lôi cuốn người Hoa đổ xô vào

Palembang làm ăn. Theo Bacbara Andaya, rất đông người Hoa đã nhập cư vào "đất thiếc"<sup>(9)</sup> - "Vào năm 1747, những người Hà Lan đã lưu ý rằng ít nhất có khoảng 17 khu cư trú ở các mỏ thiếc, và cho đến giữa năm 1750, ước tính có khoảng 4000 người Hoa tại Bangka"<sup>(10)</sup>. Hầu hết thiếc được khai thác sẽ đem bán cho người Hà Lan, nhưng vẫn có một phần đáng kể trong số đó đến được với thị trường Trung Hoa, qua nhịp trung gian của Hà Tiên. Trong một thời gian tương đối dài, ít nhất là từ cuối thế kỉ XVII đến những năm 60 của thế kỉ XVIII, Hà Tiên và Quảng Châu có mối liên hệ chặt chẽ - mà vị thế của Hà Tiên được xác lập do chỗ đây là trung tâm cung cấp thiếc và gạo (sẽ đề cập ở sau) cho Quảng Châu. Dòng thiếc từ Hà Tiên đổ về Quảng Châu khá đều đặn<sup>(11)</sup>.

Việc chia sẻ được nguồn cung cấp thiếc cùng những lợi nhuận thu được từ nó khiến cho Hà Tiên nổi tiếng đến mức ngạc nhiên (*surprising reputation*). Tuy nhiên, chính đây lại là đầu mối dẫn đến xung đột giữa Hà Tiên với Siam. Litana và Paul. Vandyke quả có lí khi bình luận rằng: "cuộc cạnh tranh giữa Hà Tiên - Siam hình như không chỉ tập trung vào Chân Lạp và vùng đất liền của nó, ... nó còn liên quan đến việc tiếp cận và kiểm soát thiếc - loại sản phẩm có tính chiến lược và rất có lãi của thời đại"<sup>(12)</sup>. Có phải vì thế mà để giải quyết mâu thuẫn, từ cuối thế kỉ XVII đến nửa sau thế kỉ XVIII, Siam đã ba lần đưa quân sang đánh phá Hà Tiên - để lại một vết hằn tiêu cực lên con đường

phát triển của Hà Tiên sau này?!

Ở Đông Nam Á lục địa, Autthaya - thương cảng sầm uất một thời bước vào giai đoạn suy tàn, đặt cơ sở cho sự hình thành một trung tâm kinh tế sau này của người Thái là Băng Cốc. Điều lí thú là sự vắng mặt của một trung tâm thương mại quan trọng như Ayuthaya có vẻ như đã tạo một cơ hội rất lớn để cho các cảng thị nhỏ trong khu vực vươn lên<sup>(13)</sup>.

Các đồng bằng rộng lớn và màu mỡ ở Đông Nam Á: đồng bằng Chao Phraya của người Thái, đồng bằng Nam Bộ của người Việt..., sau một thời gian dài được khai phá đã bộc lộ thế mạnh riêng: đó là nguồn sản xuất lúa gạo dồi dào. Lê Quý Đôn khi nói về xứ Đàng Trong ở thế kỉ XVII - XVIII từng nhắc đến điều này: “lúa rất nhiều... ở các địa phương mỗi nơi có bốn mươi hoặc ba mươi nhà giàu, mỗi nhà có từ 50 đến 60 điển nô, 300 đến 400 trâu bò cày cấy, gái hạt rộn ràng không rời. Hàng năm đến tháng mười một, tháng chạp, giã lúa thành gạo bán lấy tiền để dùng lễ chạp, lễ tết. Sau tháng Giêng trở đi không làm việc giã xay nữa... đất ấy nhiều ngòi lạch, đường nước như mắc cửi... toàn là đồng ruộng nhìn bát ngát không bờ”<sup>(14)</sup>. Nhờ đó, nhân dân hai miền Thuận Quảng gần như không biết đến sản xuất gạo để chú tâm vào trồng dâu, nuôi tằm - lấy tơ xuất khẩu cho các thuyền buôn nước ngoài thu lãi lớn. Lúa gạo đồng bằng Mê Kông, đồng bằng Chao Phraya có mặt khắp nơi: từ Palembang cho đến vùng Đông Nam Trung Quốc... Hà Tiên, như đã nhắc ở trên, một điểm cung cấp gạo cho

Quảng Châu, “được biết đến ở Trung Hoa như một trung tâm buôn bán gạo. Tên của nó xuất hiện đều đặn trong các báo cáo gửi đến vua Càn Long trong thời kì này. Một trong số đó viết: cả Siam lẫn Hà Tiên đều cung cấp nhiều gạo với giá rẻ”<sup>(15)</sup>.

Ở trong nước, Đàng Trong và Đàng Ngoài ngừng chiến - kể từ cuộc đối đầu cuối cùng vào năm Nhâm Tý (1672): Đàng Trong tạm yên được bờ cõi phía Bắc, có điều kiện tập trung vào giải quyết những vấn đề phát triển nội thân. Thêm vào đó, cho đến thời điểm này, sau một thời kì dài thịnh vượng, các thương cảng dọc miền Trung Việt suy tàn... Tất cả những điều đó kích thích người Việt gấp gáp tiến về đồng bằng phương Nam - vừa để tìm ra một cứu cánh (*fin*) mới cho nền kinh tế, vừa để mở rộng hơn nữa ảnh hưởng của mình.

Đàng Trong là một điểm đến quan trọng đối với dòng người Hoa nhập cư sang Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVIII. Sử cũ chép: “Tháng 4 mùa hạ năm thứ 32, Kỷ Mùi (1679), quan Tổng binh thủy lục trấn thủ các xứ ở Long Môn thuộc Quảng Đông nước Đại Minh là Dương Ngạn Địch và phó tướng Hoàng Tấn, quan Tổng binh trấn thủ các châu Cao, Lô, Liêm là Trần Thắng Tài, phó tướng Trần an Bình dẫn quân và gia nhân hơn 3000 người cùng chiến thuyền hơn 50 chiếc xin được vào Kinh bằng hai cửa Tư Dung và Đà Nẵng... Triều đình tổ chức khao đãi ân cần, chuẩn y cho giữ nguyên chức hàm, phong cho quan tước rồi lệnh cho tới Nông Nại (Đồng Nai) làm ăn ... Được lệnh, các

ông Dương, Trần, vào kinh tạ ơn rồi phụng chỉ lên đường. Bọn tướng Long Môn là họ Dương Minh đem binh thuyền tiến nhanh vào cửa Soài Rạp và cửa Đại, cửa Tiểu (thuộc trấn Định Tường). Bọn tướng Cao, Lôi, Liêm họ Trần thì đem binh thuyền tiến vào cửa Cần Giờ rồi đồn trú tại xứ Bàn Lân thuộc Đồng Nai (nay là lỵ sở trấn Biên Hoà)<sup>(16)</sup>. Trên cơ sở đó, giữa hai cộng đồng Hoa, Việt đã diễn ra một quá trình cộng sinh văn hoá (*symbiose culture*) liên tục và lâu dài, để lại nhiều dấu tích nổi bật: Chỉ trong một thời gian ngắn, trên vùng đất Đồng Nai - Mĩ Tho - Gia Định, nhiều xóm làng trù mật được thiết lập. Diện tích canh tác ngày một mở rộng. Nền thương mại trở nên rộn ràng, các đô thị - hàng hoá - mới *bung nở và toả sáng (florescence)*: Biên Hoà, Mĩ Tho, Sài Gòn - Chợ Lớn... Đô thị cổ hay thương cảng Hà Tiên đã ra đời, phát triển trong một bối cảnh đầy những thăng trầm lịch sử như vậy.

**3. Căn cứ vào nhiều nguồn tư liệu, có thể giả định rằng: Đô thị cổ Hà Tiên là một phức hợp kiến trúc gồm ba yếu tố:**

3.1. Đóng vai trò trung tâm là trấn lỵ. Nếu theo mô hình quen thuộc về đô thị cổ phương Đông - với kết cấu gồm 2 phần: "Đô" (phần chính trị) và "Thị" (phần kinh tế) thì trấn lỵ hay trấn thự sẽ ứng với phần Đô. Dấu vết của trấn lỵ là các bờ thành và các đoạn hào trong khuôn viên chùa Tam Bảo - ngôi chùa lớn nhất và nổi tiếng nhất ở thị xã Hà Tiên ngày nay. Rất may cho chúng ta là học giả Trịnh Hoài

Đức còn kịp khảo tả tương đối kĩ về trấn thự này. Tác giả Gia Định thành thông chí viết: "Trấn thự Hà Tiên nằm hướng Kiên (Tây Bắc), trông ra hướng Tốn (Đông Nam), lấy núi Bình San làm gối, núi Tô Châu làm tiền án, biển cả Minh Hải làm hào phía Nam, Đông Hồ làm hào phía trước"(Bình San, Tô Châu, Đông Hồ đều là các thắng cảnh của Hà Tiên - HG) (vậy là hướng của trấn thự cũ trùng với hướng của chùa Tam Bảo bây giờ). Trấn thự được khu biệt với bên ngoài bằng lũy đất: "ba mặt có lũy đất từ bến Dương đến cửa hữu dài 112 trượng rưỡi, từ cửa hữu đến cửa tả dài 153 trượng rưỡi, từ cửa tả đến xưởng thuyền ra Đông Hồ dài 308 trượng rưỡi, các lũy này đều cao 4 thước ta, dày 7 thước ta, hào rộng 10 thước ta. Ở giữa làm công thự, vọng cung, lại ở trước công thự, hai bên đặt 2 dãy trại quân, trước sân có cầu Bến Đá, phía trái có sứ quán, phía phải có Công khố"<sup>(17)</sup>.

3.2. Nhưng có lẽ, cái làm nên linh hồn Hà Tiên cổ với tất cả tính sống động của nó không phải là phần Đô, mà phải là phần Thị - được đặc trưng bởi các dãy phố - chợ. Theo những ghi chép của Trịnh Hoài Đức thì phố - chợ Hà Tiên được xây dựng khá quy củ: "ngoài Vọng cung về phía trái có chợ trấn"... Phía Đông chợ trấn là bến hồ (Đông Hồ) "ở đó có trại cá, phía Bắc công khố là miếu hội đồng, phía Bắc miếu có xưởng sửa thuyền, chia thành khu ngang dọc, lấy đường lớn làm ranh; phía tả miếu Quan Thánh là phố Điều Kiếu. Đầu bến có bắc cầu ván thông ra biển tiếp với hòn Đại Kim, phía Đông

phố Điều Kiều là phố chợ cũ. Qua phía Đông chợ này là phố chợ Tổ Sư, kế nữa là Phố lớn, tất cả đều do Mạc Tông (Mạc Thiên Tứ) gây dựng từ trước. Đường sá giao nhau, phố xá nối liền, người Việt, người Tàu, người Cao Miên, người Chà Và (Java) đều họp nhau sinh sống, ghe thuyền ở sông biển qua lại nơi đây như mắc cửi, thật là nơi đại đô hội ở dọi biển vậy<sup>(18)</sup>. Tuy nhiên, với một thương cảng Hà Tiên từng nổi danh trong các bản đồ thương mại, phần thị của nó không chỉ có những vậy. Chắc hẳn, nó - với tư cách là thị tứ trung tâm, còn liên kết với nhiều nhân tố khác ở vùng ngoại vi để hình thành một mạng lưới giao dịch nhộn nhịp - tạm gọi nó là phần thị ở dạng mở rộng (*extension*). Các nhân tố ngoại vi ấy, rất có thể là: hệ thống bến, cảng và chợ mà chúng ta sẽ nhắc đến sau đây.

- Bến: Gia Định thành thông chí khi nêu tên các đơn vị hành chính “lệ thuộc trấn thành Hà Tiên” có kể ra các “phố” của người Hoa: Phố lớn Minh Bột (Minh Bột đại phố)<sup>(19)</sup>, Phố mới Minh Bột (Tân Bột đại phố)<sup>(20)</sup>, Phố Minh Bột Kỳ Thọ (trước có tên là cây Kè)<sup>(21)</sup>. Nên hiểu chữ *phố* như thế nào? Tác giả ngờ rằng chúng là các điểm cư trú (bến, bãi) gần sông, biển - địa điểm thích hợp cho buôn bán và các loại hình công việc cần đến sự cơ động.

- Cảng: Gia Định thành thông chí (mục sơn xuyên chí) cho biết trấn Hà Tiên có rất nhiều cảng lớn nhỏ (không biết bến và cảng khác nhau ở chỗ nào? Là một chăng? Có lẽ cảng có qui mô lớn hơn bến.):

- Cần Vọt cảng (cảng Cần Vọt): ở về phía Tây cách trấn 165 dặm rưỡi, rộng 49 trượng, sâu 5 thước ta,... Khi trước là đất của Mán bỏ trống, người Việt kéo đến lập thành thôn xóm Tiên Hương; người Tàu, người Cao Miên, Đồ Bà (Chà Và) hiện nay đến ở rất đông, có cả chợ phố nhỏ (tr 103).

- Hương úc cảng (cửa Hương úc): ở biên giới phía Tây trấn, phát nguyên ở núi Ca Ba, Cao Miên, chảy dài từ xa đến, làm thành hải cảng; nơi đây có người Việt, người Tàu ở thành thôn xóm (tr 104).

- Kiên Giang cảng: cách trấn phía Đông hơn 193 dặm. Đạo Kiên Giang ở phía tây trong cảng, ở đây phố chợ đông đúc, thuyền buôn tụ họp đông đảo (tr 104).

- Đại Môn cảng (cửa Đại): ở phía Đông đạo Kiên Giang 26 dặm, thông với sông Kiên Giang. Bên trong có nhiều nương ngòi, phía Đông tiếp giáp sông Ba Thắc, có tôm khô, nước mắm, mắm cá đồng. Dân làm nghề tụ họp thành thôn xóm (tr 104).

- Đốc Huỳnh cảng (cửa Đốc Vàng): Rộng 4 trượng, sâu 10 thước, cách đạo Long Xuyên (Cà Mau) về phía Tây 107 dặm rưỡi: quán xá đông đúc, thuyền bè tấp nập (tr 105).

- Hậu Kỳ cảng (cửa cảng Gành Hậu) (chưa xác định được vị trí cụ thể. Có lẽ nó nằm ở vùng Bạc Liêu - Cà Mau).

- Chợ: Đất Hà Tiên thuở trước có nhiều chợ nổi tiếng. Sách Đại Nam nhất thống chí chép:

- Chợ Mĩ Đức: ở huyện Hà Châu, quán xá liên tiếp. Người Kinh, người Trung Quốc tụ họp, trước kia đông đúc, nay thưa

thốt dân.

- Chợ Sái Phu: ở huyện Kiên Lương, tục gọi chợ Rạch Giá, quán xá liên tiếp, thuyền buôn tấp nập.

- Chợ Hoàng Giang: ở Long Xuyên, phố xá trù mật, thuyền buôn tụ họp.

- Chợ Sân Chim: ở địa phận 2 thôn Đông An và Vĩnh Hoà huyện Kiên Lương, có một sở sân chim, chim biển tụ họp hàng ngàn, hàng vạn. Hàng năm đến kì chim đẻ, các nghiệp hộ linh trưng, gọi là “thuế sân chim”, họ lấy cánh và lông chim bán cho lái buôn Trung Quốc<sup>(22)</sup>.

3.3. Cuối cùng là hệ thống thành lũy bao quanh đô thị Hà Tiên. Sự có mặt của hệ thống này bắt nguồn từ nhu cầu trị an để đối phó với các cuộc tấn công từ phía Siam và Chân Lạp, kể cả bọn cướp biển. Thành lũy Hà Tiên gồm 2 bộ phận:

- Trúc Bàn Thành - còn có tên là lũy Thị Vạn hay Bờ Đồn Lớn. Lũy được đắp dưới thời Mạc Cửu, sau đó được gia cố thêm dưới thời Mạc Thiên Tứ. Lũy chạy từ bờ biển phía Nam lên biên giới phía Bắc (giáp Chân Lạp) rồi “cặp” với lũy Giang Thành. Tổng chiều dài hai lũy ước tính khoảng 20 cây số<sup>(23)</sup>. Theo cụ Trương Minh Đạt, Giang Thành ngày nay không còn thành quách, mà chỉ là một địa danh thuộc xã Tân Khánh Hoà, thuộc huyện Kiên Lương, cách thị xã Hà Tiên khoảng 10 km theo đường chim bay, chỗ hợp lưu của kênh Vĩnh Tế và sông Giang Thành.

- Lũy Phù Dung: Còn gọi là Bờ Đồn Nhỏ<sup>(24)</sup>, ôm sát trấn lỵ, khởi đầu từ đảo Kim Dự, bao vòng núi Phù Dung (Đê

Liên) đến bờ sông Thuỷ Trường (Rạch ụ) dài độ 2 km<sup>(25)</sup>.

Vậy là, dù còn nhiều sơ sót, diện mạo của đô thị Hà Tiên cổ cũng vừa được phác lên. Căn cứ vào những gì thu lượm được, có thể thấy rằng: Hà Tiên, về cơ bản, là một *đô thị mở*: tính mở thể hiện cả trong cấu trúc lẫn trong thực tiễn hoạt động của nó.

Sự hình thành và hưng khởi của đô thị cổ Hà Tiên gắn liền với tài kinh bang của họ Mạc - chủ yếu qua vai trò của Mạc Cửu và con trai ông là Mạc Thiên Tứ. Dưới thời Mạc Thiên Tứ, Hà Tiên có gần 4 thập niên phát đạt - từ những năm 30 đến những năm 70 của thế kỉ XVIII. Sau đó, họ Mạc nói riêng và Hà Tiên nói chung lần lượt phải đối mặt với hàng loạt biến cố: cuộc tấn công và chiếm đóng của người Thái từ 1771 đến 1773; khởi nghĩa Tây Sơn và cuộc chiến tranh Tây Sơn - Nguyễn từ miền Trung nhanh chóng lan vào miền Đông và miền Tây Nam Bộ; cái chết của Mạc Thiên Tứ - linh hồn của Hà Tiên trên đất Xiêm vào năm 1780; sự dịch đổi của mạng lưới thương mại trong vùng: từ vùng cận duyên dọc theo Vịnh Thái Lan chuyển vào vùng nội địa với các đồng bằng trề, màu mỡ và dồi dào hàng hoá xuất khẩu - đưa đến sự ra đời các trung tâm mới - thay thế cho các trung tâm cũ trước đây: Sài Gòn (thay Hà Tiên), Băng Cốc - Thonburi (thế chỗ Ayutthaya)... Hà Tiên đã bị cuốn vào những biến đổi kinh tế - xã hội mau chóng ấy, để rồi từ chỗ là trung tâm sôi động bậc nhất miền Tây, nó mau chóng bị rơi vào quên lãng qua vai trò của

một vùng biên thâm lạng trong hệ thống hành chính của một nhà nước - quốc gia mới vừa định hình lại về mặt lãnh thổ: nhà nước Đại Nam của nhà Nguyễn vào đầu thế kỉ XIX. Kể từ đó, Hà Tiên ngày một lụi dần đi...

Theo dấu đô thị cổ Hà Tiên là một hành trình thú vị nhưng cũng đặt ra không ít thách thức. Dựa vào các nguồn tư liệu tổng hợp, tác giả đã cố gắng chỉ ra những nét chính làm nên diện mạo của một *Chinese port city*, điển hình. Trong đó, nhiều luận điểm đưa ra mới chỉ ở dạng giả thiết ban đầu. Do đó, như Nietzsche từng ước vọng, mong muốn của tác giả thật bé nhỏ. Bài viết chỉ là một gợi mở những suy nghĩ ban đầu./

## CHÚ THÍCH

- 1 Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1. Nxb Sử học. H, 1961.
2. Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*. Nxb Tổng hợp Đồng Nai. Biên Hoà, 2005, tr 245 -246.
3. Có thể xem một số tác giả: Châu Hải (*Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam*. Nxb KHXH. H, 1992), Trần Khánh (*Sự hình thành cộng đồng người Hoa ở Việt Nam thế kỉ XVII - XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX*. Tạp chí Nghiên cứu lịch sử. Số 5, 2001), Nguyễn Công Bình (*Sài Gòn - Gia Định, dấu ấn cách tân và cách mạng của cộng đồng dân tộc Việt Nam*. Tạp chí KHXH. Số 39, quý 1, 1999), Huỳnh Lứa (*Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam Bộ các thế kỉ XVII -X VIII -X IX*. Nxb KHXH. H, 2000)....
4. Xem Litana, Paul Vandyke (*South Asia's Water Frontier in the 18th Century: New data and New light in: Beijing forum - 2005 - The harmony of Civilizations and prosperity for All - Asia's opportunities and development in Globalization changes in History: real, respentive and imaginary*), Litana and Nola Cooke (*Water frontier: Commerce and the Chinese in the Lower Mekong Region, 1750 - 1880*. Rowman & Littlefield Publishers, USA, 2004....
- 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15. Litana, Paul Vandyke. Tư liệu đã dẫn, p 59, 58, 63, 60 - 61, 62, 59, 60
7. Yumio Sakurai and Takako Kitagawa, *ighteenth - Century Chinese Pioneers on the Water Frontier of Indochina in Water Frontier: Commerce and the Chinese in the Lower Mekong Region, 1750- 1880*, sdd, p. 46.
- 14 Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*. Nxb KHXH. H, 1976.
- 16, 17, 18. *Gia Định thành thông chí*, Sdd, tr 110, 245, 245 - 246.
19. Theo cụ Trương Minh Đạt, một chuyên gia về Hà Tiên thì Minh Bột đại phố nay thuộc về xã Thuận Yên- thị xã Hà Tiên- cách thị xã 3 km đi về hướng Kiên Lương.
20. Nay là ấp Hoà Phâu/Phổ - nằm giữa xã Thuận Yên của Hà Tiên và xã Dương Hoà của huyện Kiên Lương.
21. Tác giả đã hỏi cụ Trương Minh Đạt nhưng thấy không chắc chắn nên không chú vào đây, nhưng chắc chắn nó cũng nằm liền với hai địa danh ở trên.
22. *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5. (Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính). Nxb Thuận Hoá. Tp HCM, 1997, tr. 28
23. Bờ Đồn Lớn ngày trước bây giờ đã "bị" tuyến tỉnh lộ 28 chông lên.
24. Cũng như Bờ Đồn Lớn, Bờ Đồn Nhỏ bây giờ đã nằm dưới tuyến quốc lộ 80.
25. Dẫn theo Trương Minh Đạt: Nhận thức mới về đất Hà Tiên - khảo luận, đính chính, tư liệu. Tạp chí xưa và nay- Nxb Trẻ. TP HCM, 2001, tr 185 - 186.